

Số: 670 /HD-UBND

Hà Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2020

**HƯỚNG DẪN**

**Triển khai thực hiện hỗ trợ đối tượng người có công,  
bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 42/NQ-CP  
ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg  
ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ cho đối tượng: Người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

**I. Nguyên tắc hỗ trợ**

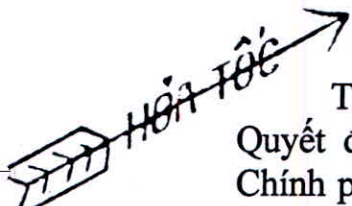
1. Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.
2. Trường hợp đối tượng hỗ trợ thuộc diện được hưởng từ 02 chế độ hỗ trợ trở lên thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.
3. Đối tượng tự nguyện không nhận hỗ trợ thì không thực hiện hỗ trợ.

**II. Đối tượng, trình tự, thủ tục, thời gian rà soát, phê duyệt lập danh sách hỗ trợ**

1. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng (bao gồm cả thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng) trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4 năm 2020. Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

Căn cứ vào danh sách chi trả trợ cấp tháng 4 năm 2020 (Bao gồm cả các đối tượng có Quyết định hưởng trợ cấp từ tháng 4 năm 2020) đã được UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo về Sở Lao động - TBXH làm cơ sở trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt và cấp kinh phí, tiến hành rà soát lại lần cuối đảm bảo theo đúng quy định trước khi ra Quyết định phê duyệt lập danh sách chi trả hỗ trợ. Thời gian ra Quyết định phê duyệt lập danh sách hỗ trợ hoàn thành trước ngày 02 tháng 5 năm 2020 (mẫu biểu số 1 kèm theo).

2. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng, trong danh sách hưởng trợ cấp xã hội tháng 4 năm 2020. Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến





tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

Căn cứ vào danh sách chi trả trợ cấp xã hội tháng 4 năm 2020 (*Bao gồm cả các đối tượng có Quyết định hưởng trợ cấp xã hội từ tháng 4 năm 2020*) đã được UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo về Sở Lao động - TBXH làm cơ sở trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt và cấp kinh phí, tiến hành rà soát lại lần cuối đảm bảo theo đúng quy định trước khi ra Quyết định phê duyệt lập danh sách chi trả hỗ trợ. Thời gian ra Quyết định phê duyệt lập danh sách hỗ trợ hoàn thành trước ngày 02 tháng 5 năm 2020 (*mẫu biểu số 2 kèm theo*).

3. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo chuẩn nghèo quốc gia quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Mức hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt danh sách hộ nghèo và hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND cấp xã (*Đã được các xã, phường, thị trấn tiến hành điều tra, rà soát, họp thống nhất và lập danh sách niêm yết công khai trước khi ra Quyết định công nhận theo quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2019*) đã được UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo về Sở Lao động - TBXH làm cơ sở trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt và cấp kinh phí, tiến hành rà soát lại lần cuối đảm bảo theo đúng quy định (*Loại bỏ những đối tượng đã chết hoặc đã chuyển đi khỏi hộ gia đình trước ngày 01 tháng 4 năm 2020; bổ sung những đối tượng mới sinh hoặc mới chuyển đến đã làm thủ tục khai sinh hoặc nhập khẩu về hộ gia đình từ khi có Quyết định công nhận đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2020*) trước khi ra Quyết định phê duyệt lập danh sách chi trả hỗ trợ. Thời gian ra Quyết định phê duyệt lập danh sách hỗ trợ hoàn thành trước ngày 02 tháng 5 năm 2020 (*mẫu biểu số 3 kèm theo*).

### **III. Phương thức, thời gian thực hiện chi trả tiền hỗ trợ**

1. Thực hiện chi trả tiền hỗ trợ đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Giang qua đơn vị cung cấp dịch vụ Bưu điện tỉnh Hà Giang.

2. UBND các huyện, thành phố ra Quyết định phê duyệt lập danh sách chi trả hỗ trợ theo mẫu biểu quy định (*Có chữ ký, đóng dấu của Chủ tịch UBND huyện, thành phố*) cho từng loại đối tượng theo địa bàn thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn; thực hiện thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ và danh sách đối tượng được hỗ trợ cho cơ quan Bưu điện huyện, thành phố thực hiện chi trả trước ngày 02 tháng 5 năm 2020.

3. Bưu điện tỉnh Hà Giang xây dựng phương án tiếp nhận kinh phí và danh sách đối tượng được hỗ trợ để tổ chức triển khai thực hiện chi trả tiền hỗ trợ



trợ cho các đối tượng tại các Bưu cục, Bưu điện văn hóa xã; những xã không có điểm Bưu điện văn hóa xã, Bưu điện thống nhất với UBND xã bố trí địa điểm chi trả tiền hỗ trợ đảm bảo thuận tiện nhất cho đối tượng. Chi phí dịch vụ chi trả là 1%/tổng kinh phí thực hiện chi trả.

- Thời gian thực hiện chi trả: 03 ngày, kể từ khi nhận được kinh phí và danh sách chi trả tiền hỗ trợ. Đảm bảo hoàn thành trước ngày 07 tháng 5 năm 2020.

- Việc chi trả tiền hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định của các cơ quan y tế.

#### **IV. Việc quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí**

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt đối tượng và cấp kinh phí của UBND tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí về ngân sách các huyện, thành phố.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND cấp huyện giao dự toán kinh phí về Phòng Lao động - TBXH.

3. Phòng Lao động - TBXH có trách nhiệm chuyên tiền cho cơ quan cung ứng dịch vụ (Bưu điện tỉnh Hà Giang) chi trả cho đối tượng.

4. Việc thanh toán và quyết toán kinh phí chi trả các chính sách hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Luật NSNN và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

#### **V. Phân công nhiệm vụ**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành hướng dẫn triển khai rà soát, xác định danh sách các đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn này.

- Tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ; chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo hướng dẫn này; phối hợp các ngành, Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh kiểm tra, giám sát, kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

##### **2. Sở Tài chính**

- Tham mưu trình UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngay sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định cấp kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, thực hiện thông báo kinh phí về các huyện/thành phố để kịp thời chi trả cho đối tượng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội tổng hợp,



báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài chính hỗ trợ kinh phí cho tỉnh.

**3. Bưu điện tỉnh Hà Giang:** Căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức chi trả đầy đủ, kịp thời cho đối tượng theo quy định.

**4. Kho bạc Nhà nước tỉnh:** Giải ngân kịp thời gói hỗ trợ an sinh xã hội theo các Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

**5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Giang:** Chỉ đạo hệ thống Ngân hàng trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiền mặt chi trả gói hỗ trợ về an sinh xã hội theo Nghị quyết của Chính phủ; bố trí cán bộ giao dịch trực phục vụ rút tiền của đơn vị thực hiện dịch vụ chi trả.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chỉ đạo hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang, các trang thông tin điện tử; UBND các huyện/thành phố tuyên truyền kịp thời các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NĐ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg.

**7. Cơ quan Ủy ban kiểm tra - Thanh tra tỉnh:** Tăng cường thực hiện công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo cơ quan thanh tra các cấp tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện chính sách này.

**8. Công an tỉnh:** Tăng cường công tác nắm tình hình hỗ trợ cho các đối tượng tại các huyện/ thành phố; xử lý đối với những trường hợp có hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **9. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh**

- Tích cực thông tin, tuyên truyền về các nội dung chính sách của Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

- Tham gia triển khai thực hiện các nội dung Hướng dẫn này trong phạm vi, nhiệm vụ có liên quan.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên**

- Trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình chỉ đạo các tổ chức thành viên của MTTQ tổ chức tốt công tác tuyên truyền, thông tin về các nội dung chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn này để biết và thực hiện.

- Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp và tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn này.

### **11. UBND các huyện/thành phố**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu được các quy định, nhóm đối tượng được hỗ trợ theo Nghị Quyết 42/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.



- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn tập trung rà soát, thẩm định, tổng hợp, lập danh sách hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng trình tự, thủ tục, chính xác, không để sai sót hoặc trùng đối tượng.

- Chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho đối tượng kịp thời theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện lập danh sách phê duyệt và chi trả tiền hỗ trợ trên địa bàn.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong công tác triển khai thực hiện và giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Quyết toán kinh phí được ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành.

- Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - TBXH để tổng hợp chung báo cáo Bộ Lao động - TBXH và Ủy ban Nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 5 năm 2020.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, đề xuất) xem xét giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - TBXH;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- CVP, Các PVP tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Vnpti Office;
- Lưu: VT, KTTH, VHXX. *GM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**



## DANH SÁCH CHI TRẢ HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (thôn, xã)	NCC và thân nhân NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác trong QĐ của TTCP (ghi rõ đối tượng trùng)	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC và thân nhân NCC đang hưởng TCƯĐ hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	TB hưởng trợ cấp MSLĐ hàng tháng				
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
<b>A</b>	<b>Người có công</b>										
1	Nguyễn Văn A	1959		073011894		Thương binh			1.500.000		
2	Nguyễn Văn B	1962		073481532		Thương Binh		Hộ cận nghèo	1.500.000		
..											
	<i>Cộng A</i>										
<b>II</b>	<b>Thân nhân người có công</b>										
1	Nguyễn Thị C		1937			Tuất liệt sĩ		Người cao tuổi; Hộ nghèo	1.500.000		
2	Nguyễn Văn D	1931		070105288		Tuất liệt sĩ			1.500.000		
...											
	<i>Cộng B</i>										
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>										

Tổng số ..... đối tượng nhận hỗ trợ

Số tiền nhận hỗ trợ ..... đồng (bằng chữ .....

..... ngày tháng năm 2020

Xác nhận của UBND xã ...

Chủ tịch UBND

(ký, đóng dấu)

Người chi trả

(ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm 2020

Thủ trưởng đơn vị chi trả

(ký, đóng dấu)

..... ngày tháng năm 2020

TM. UBND HUYỆN/ THÀNH PHỐ

Chủ tịch

(ký, đóng dấu)

## Ghi chú:

7-8. Ghi loại đối tượng theo chính sách hiện đang hưởng như: Thương binh, bệnh binh, tuất liệt sĩ, tuất thương binh...

9. Ghi rõ trùng đối tượng NCC với các đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

10. Ghi số tiền nhận theo quy định

11. Ký ghi rõ họ tên; trong trường hợp người nhà nhận thay thì ghi rõ họ và tên người nhận, quan hệ với người được nhận hỗ trợ

12. Ghi rõ trong trường hợp đối tượng tự nguyện không nhận hỗ trợ



**DANH SÁCH CHI TRẢ**  
**ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19**

TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú (thôn, xã)	Đối tượng bảo trợ xã hội (Ghi rõ loại đối tượng)	Kinh phí hỗ trợ	Ký nhận, ghi rõ họ tên	Ghi chú
		Nam	Nữ						
	<b>Tổng số</b>								
1	Nguyễn Văn A					Người khuyết tật nặng	1.500.000		
2	Trần Thị B					Người cao tuổi	1.500.000		
3	.....								

**Tổng số ..... đối tượng nhận hỗ trợ**

**Số tiền nhận hỗ trợ ..... đồng (bằng chữ .....)**

..... ngày tháng năm 2020

Xác nhận của UBND xã ...

**Chủ tịch UBND**

(ký, đóng dấu)

..... ngày tháng năm 2020

Người chi trả

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị chi trả

(ký, đóng dấu)

..... ngày tháng năm 2020

**TM. UBND HUYỆN/ THÀNH PHỐ**

**Chủ tịch**

(ký, đóng dấu)



**DANH SÁCH CHI TRẢ  
HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19**

Huyện/ thành phố .....

Xã ..... Thôn .....

TT	Họ tên chủ hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng /khẩu/ tháng x 3 tháng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
	<i>Ví dụ</i>						
1	<b>Nguyễn Văn A (chủ hộ)</b>	4	4	750.000	3.000.000		Ho tên người đại diện trong hộ nhận hỗ trợ
	Họ tên các thành viên khác trong hộ được nhận hỗ trợ						
	Nguyễn Văn B			750.000			
	Nguyễn Văn C			750.000			
	Nguyễn Văn D			750.000			
2	<b>Trần Văn E</b>	3	2	750.000	1.500.000		
	Trần Văn F			750.000			
	Trần Văn G	X					Đối tượng BTXH
3	.....						
	<b>Tổng cộng</b>						

Tổng số ..... hộ = ..... khẩu nhận hỗ trợ

Số tiền nhận hỗ trợ ..... đồng (bằng chữ .....) )

..... ngày tháng năm 2020

..... ngày tháng năm 2020

..... ngày tháng năm 2020

Xác nhận của UBND xã ...

Người chi trả

Thủ trưởng đơn vị chi trả

TM. UBND HUYỆN/ THÀNH PHỐ

Chủ tịch UBND

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu)

Chủ tịch

(ký, đóng dấu)

(ký, đóng dấu)

\* Trường hợp gia đình không nhận hỗ trợ hoặc đối tượng đã nhận hỗ trợ theo loại đối tượng khác, ghi rõ lý do ở cột ghi chú

\* Lập danh sách chi trả hộ nghèo, hộ cận nghèo riêng từng danh sách theo từng thôn, tổ dân phố